TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: **224**/2019/HS - ST
Ngày: 30 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Ông Nguyễn Văn Chương***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Ông Trương Văn Minh***

2. Ông Nguyễn Anh Đức

Thư ký phiên tòa: ***Bà Phạm Thị Trang*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Tô Xuân Tùng - KSV.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 224/2019/HSST ngày 08/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2019/QĐXXST - HS ngày 12/11/2019 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN T, sinh năm 1992; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn 2 xã V, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con Phạm Văn P , con bà Hoàng Thị T ; Tiền án: không; Tiền sự: không; Danh, chỉ bản số 0289 lập ngày 28/10/2016 tại Công an huyện t , thành phố Hà Nội; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: **Bà Hoàng Thị T** - sinh năm 1967 (là mẹ đẻ của bị cáo).

Địa chỉ: Thôn 2, xã V , huyện T, Hà Nội (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: **Bà Nghiêm Thị N** - Trợ giúp viên pháp lý, chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 3 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 12/10/2016, Nguyễn Thị N , Nguyễn Văn K , Đặng Văn H , Nguyễn Trung T , Nguyễn Hồng T, Chử Văn H và Phạm Văn T cùng đến nhà bà Phạm Thị L (SN: 1944 là mẹ đẻ của Nguyễn Thị N) ở thôn 2, xã V, huyện T, Hà Nội để ngồi chơi uống nước. Tại đây Nguyệt đã rủ Khôi, Hùng, Thành, Thuyên, Hiếu và T cùng nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi ba cây. Sau khi mọi người đồng ý N liền lấy bộ bài tú lơ khơ có 36 quân bài dùng làm công cụ đánh bạc. Cách thức các đối tượng đánh bạc dưới hình thức ba cây như sau: Người chơi dùng bộ bài tú lơ khơ bỏ đi các quân bài 10, J, Q, K còn lại 36 quân bài, người cầm chương chia cho mỗi người 3 quân bài. Người chơi đặt cược với người cầm chương từ 100.000 đồng trở lên mỗi lượt chơi rồi cộng số điểm trên 3 quân bài của mình. Ai cao điểm hơn người cầm chương sẽ nhận được thêm số tiền bằng số tiền mình đã đặt cược còn ít điểm hơn người cầm chương thì mất số tiền đã đặt cho người cầm chương. Nếu bằng điểm thì sẽ so chất của quân bài theo thứ tự rô, cơ, tép, bích để xác định người thắng cược. Kết thúc mỗi ván bài, nếu người nào được 10 điểm là cao nhất sẽ được cầm chương ván kế tiếp.

Khi đánh bạc T, H, K mỗi người đưa cho N 100.000 đồng là tiền mua thuốc nước cho các đối tượng đánh bạc và dọn dẹp nhà cửa sau khi đánh bạc. Tổng cộng N đã thu được 400.000 đồng (Số tiền này N đã dùng để đánh bạc và bị Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang).

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền thì bị tổ công tác của Đội điều tra hình sự Công an huyện T bắt quả tang, riêng Nguyễn Văn K đã bỏ chạy thoát.

Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ có 36 quân bài và số tiền dùng để đánh bạc là 14.400.000 đồng.

Đến ngày 20/10/2016, Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Văn K đến làm việc, K đã đến Cơ quan điều tra – Công an huyện T làm việc theo giấy triệu tập và thành khẩn khai nhận về hành vi đánh bạc như đã nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai số tiền dùng để đánh bạc của từng người như sau:

Nguyễn Thị N có 100.000 đồng và thu của những người đánh bạc cùng được 400.000 đồng, tổng cộng N có 500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt N bị thua 400.000 đồng, còn 100.000 đồng dưới chiếu bạc. Nguyễn Hồng T mang theo 1.100.000 đồng khi đến chiếu bạc, đã đưa cho N 100.000 đồng, còn 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt T bị thua 600.000 đồng, còn 400.000 đồng dưới chiếu bạc. Chử Văn H mang theo 900.000 đồng khi đến chiếu bạc, đã đưa cho N 100.000 đồng, còn 800.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt Chử Văn H đang thắng 600.000 đồng và có 1.400.000 đồng dưới chiếu bạc. Đặng Văn H mang theo 1.500.000 đồng khi đến chiếu bạc, đã đưa cho Nguyệt 100.000 đồng, còn 1.400.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt H bị thua 200.000 đồng, còn 1.200.000 đồng dưới chiếu bạc. Nguyễn Trung T có 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bắt T thua 100.000 đồng, còn 900.000 đồng dưới chiếu bạc. Nguyễn Văn K mang theo 3.900.000 đồng khi đến chiếu bạc, đã đưa cho Nguyệt 100.000 đồng, còn 3.800.000 để đánh bạc, khi Công an bắt quả tang khôi bị thua hết số tiền này.

Đối với bà Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn P không biết các đối tượng đánh bạc tại nhà nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Ngày 21/02/2017, Tòa án nhân dân huyện T đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn K, Đặng Văn H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Hồng T và Chử Văn H về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với Phạm Văn Tuấn, trong quá trình điều tra có biểu hiện tâm thần nên Cơ quan điều tra - Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định tâm thần. Đến ngày 21/12/2016, do hết thời hạn điều tra nhưng vẫn chưa có kết quả giám định tâm thần của bị can Phạm Văn T nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 03 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 02 đối với bị can Phạm Văn T . Ngày 11/6/2019, Viện pháp ý tâm thần Trung ương đã có bản Kết luận giám định pháp y số 197 đối với Phạm Văn T kết luận: Trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Phạm Văn T có bệnh động kinh cơn cục bộ phức tạp toàn bộ hóa thứ phát. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số G40.2. Tại các thời điểm trên bị can có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Sau khi nhận được Bản kết luận giám định pháp y tâm thần, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã ra các quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự đối với bị can, phục hồi điều tra bị can đối với Phạm Văn T về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại cơ quan điều tra Phạm Văn T khai nhận: T mang theo 1.100.000 đồng và dùng hết số tiền này để đánh bạc, khi bị bắt T đang hòa tiền và bị thu giữ tại chiếu bạc. Lời khai của T phù hợp với lời khai của các đồng phạm trong vụ án và phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập được.

Bản cáo trạng số 215/CT - VKSTT ngày 28/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

*** Tại phiên toà:**

- Bị cáo Phạm Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt do bị cáo bị bệnh động kinh, hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn.

- Bà Hoàng Thị T là mẹ đẻ đại diện cho bị cáo: Nhất trí với lời khai của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo do bị cáo có bệnh động kinh, không tự chăm sóc được bản thân.

- Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có bệnh hạn chế khả năng nhận thức, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, q, s khoản 1 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 09 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T , Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T , Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của các bị cáo khác trong vụ án đã được đưa ra xét xử, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Hồi 22 giờ 30 phút ngày 12/10/2016, tại nhà bà Phạm Thị L ở thôn 2 V , huyện T , Hà Nội, khi Phạm Văn T cùng các đồng phạm (đã bị xét xử) đang đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi ba cây sát phạt nhau bằng tiền thì bị Tổ công tác của Đội điều tra hình sự - Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm 1 bộ bài tú lơ khơ có 36 quân bài và số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 14.400.000 đồng. Trong đó, T mang theo số tiền 1.100.000 đồng để dùng vào việc đánh bạc. Hành vi của Phạm Văn T đã phạm vào tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý. Khi phạm tội bị cáo đã trên 18 tuổi, theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 197 ngày 11/6/2019 của Viện pháp y tâm thần trung ương thì trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nếp sống văn minh làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa

bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về vai trò của bị cáo trong vụ án: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Tuấn có số tiền dùng vào việc đánh bạc ít nên có vai trò thấp trong vụ án.

[5] Về nhân thân bị cáo: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự lần đầu phạm tội.

[6] Sau khi xem xét, đánh giá toàn diện về hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như vai trò, nhân thân của bị cáo trong vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, có nơi cư trú rõ ràng, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải xử phạt tù giam đối với bị cáo mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục để bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung, áp dụng việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo:

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999: *«Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng»*. Xét bị cáo không có khả năng lao động, không có thu nhập, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015: *«Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước* ». Xét bị cáo không có khả năng lao động, không có thu nhập nên không áp dụng việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng của vụ án: Vật chứng là số tiền 14.400.000 đồng và bộ bài tú lơ khơ 36 quân đã được xử lý tại bản án số 12/2017/HSST ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện T , thành phố Hà Nội nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: ***Bị cáo Phạm Văn T phạm tội «Đánh bạc».***

2. ***Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.***

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T **10 (Mười)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T cho Uỷ ban nhân dân xã V, huyện T, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, người đại diện cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân H. T, TP Hà Nội;*
- *Công an huyện T, TP Hà Nội;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự H.T, TP Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H. T, TP Hà Nội;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo, người đại diện cho bị cáo, người bào chữa;

Nguyễn Văn Chương